**Toán+**

**ÔN TẬP VỀ GIẢI TOÁN**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Củng cố và hoàn thiện các kĩ năng: giải quyết được vấn đề gắn với việc giải các bài toán có đến bốn bước tính liên quan đến các phép tính với các số tự nhiên; liên quan đến quan hệ phụ thuộc trực tiếp và đơn giản.

- Giải được các bài toán liên quan đến tìm số trung bình cộng của các số; tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó; bài toán liên quan đến rút về đơn vị.

- HS chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

Hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**II. Đồ dùng dạy- học:**

- GV: Hệ thống bài tập.

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên**  **A. Hoạt động Mở đầu:**  - Yêu cầu HS nêu các bước giải bài toán thuộc dạng toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  - Nêu cách giải dạng toán liên quan đến tìm trung bình cộng của các số?  - Nêu cách giải dạng toán liên quan đến rút về đơn vị?  - GV nhận xét, đánh giá.  *KL: Các bước giải bài toán Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số:*  *B1: Tìm số bé : (Tổng- hiệu): 2 hoặc tìm số lớ: (Tổng+ hiệu): 2*  *B2: Tìm số lớn: Tổng hai số- số bé*  *Hoặc tìm số bé- Tổng hai số- số lớn*  *-Các bước giải dạng toán liên quan đến tìm trung bình cộng: Lấy các số cộng với nhau rồi chia trung bình.*  *Các bước giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị*  *-* Giới thiệu bài.  **B. Hoạt động Thực hành**  **Bài 1:** Lớp 5 A có 35 học sinh, trong đó số bạn trai nhiều hơn số bạn gái là 5 bạn. Tính số bạn trai, bạn gái của lớp 5A.  - Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?  - Bài toán thuộc dạng toán nào?  - Gọi HS nhắc lại các bước giải của bài toán.  - Y/c HS vận dụng giải bài toán.  - Gọi HS nhận xét bài làm của bạn.  - Kiểm tra bài, nhận xét, đánh giá  *Củng cố: Các bước giải bài toán Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số.*  **Bài 2:** Một người đi xe đạp trong 3 giờ, giờ đầu đi được 17km, giờ thứ hai đi được nhiều hơn giờ thứ nhất 7km, giờ thứ ba đi được quãng đường bằng quãng đường hai giờ thứ hai. Hỏi TB mỗi giờ đi được bao nhiêu ki-lô-mét?  - Hướng dẫn tóm tắt và phân tích bài.  - Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?  - Bài toán thuộc dạng toán nào?  - Gọi HS nhắc lại các bước giải của bài toán.  - Y/c HS vận dụng giải bài toán.  - Cho HS làm bài  - Hướng dẫn chữa bài trên bảng lớp.  *→Củng cố cách giải toán liên quan đến tìm số trung bình cộng*  **Bài 3**: Lớp 5B của trường tham gia trồng cây. Có 35 học sinh trồng được 70 cây. Hỏi cả khối 5 105 học sinh trồng được bao nhiêu cây, biết số cây trồng được của mỗi em là bằng nhau?  - Bài toán thuộc loại toán nào?  - Nêu cách giải của dạng toán đó?  - Cho hs làm bài vào vở  - Chữa bài, nhận xét  *Chốt: Cách giải bài toán dạng toán đại lượng này gấp bao nhiêu lần thì đại lượng tương ứng cũng gấp lên bấy nhiêu lần bằng hai cách rút về đơn vị và tìm tỉ số*  **(*GDHS trồng và chăm sóc cây xanh góp phần bảo vệ môi trường và xây dựng trường học xanh - sạch- đẹp*)**  **\*KKHS làm thêm bài 4:**  Tổng số tuổi hiện nay của bà, của Huệ và của Hải là 80 tuổi. Cách đây hai năm, tuổi bà hơn tổng số tuổi của Huệ và Hải 54 tuổi. Huệ lớn hơn Hải 6 tuổi. Hỏi hiện nay mỗi người hơn nhau bao nhiêu tuổi?  - Gọi HS đọc bài toán và trả lời câu hỏi:  + Mỗi năm mỗi người tăng mấy tuổi?  + Sau 2 năm tổng số tuổi của Huệ và Hải tăng nhiều hơn tuổi của bà mấy tuổi?  + Hiện nay tuổi của bà hơn tổng số tuổi của Huệ và Hải là bao nhiêu?  + Bài toán thuộc dạng toán nào ?  - Yêu cầu HS làm bài vào vở  - Gọi hs nhận xét, chữa bài  *Chốt cách giải toán liên quan đến Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số.*  **3. Hoạt động Vận dụng:**  - Y/C HS nhắc lại cách giải từng dạng toán trên.  - Nhận xét tiết học.  - Nhắn HS về ôn lại bài  **4. Điều chỉnh sau tiêt dạy (nếu có)** | **Hoạt động của học sinh**  - Một số HS nêu.  - Lớp theo dõi, nhận xét, đánh giá.  - HS đọc bài toán.  - HS trả lời.  - Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  - 1 HS nhắc lại.  - 1 HS làm bảng lớp, lớp làm vở.  - HS nhận xét, chữa bài.  Số bạn trai là:  ( 35 + 5) : 2 = 20 (bạn)  Số bạn gái là:  35 – 20 = 15 (bạn)  - HS đọc bài toán  - HS trả lời.  - Bài toán liên quan đến tìm số trung bình cộng  - 1 HS nhắc lại.  + Tìm quãng đường giờ thứ hai đi được  + Tìm quãng đường giờ thứ ba đi được  + Tìm quãng đường trung bình mỗi giờ đi được  + Giờ thứ hai đi được số ki-lô-mét là: 17 + 7 = 24( km)  + Giờ thứ ba đi được số ki-lô-mét là: 24 x = 16( km)  + Trung bình mỗi giờ đi được số ki-lô-mét là:  (17+ 24+ 16) : 3 = 19 ( km)  - HS đọc bài toán  - Bài toán về quan hệ tỉ lệ  - Cách 1: Rút về đơn vị  Cách 2: Tìm tỉ số  - HS làm bài vào vở theo hai cách  Cách 1:  Một bạn trồng được số cây là:  70 : 35 = 2(cây)  Cả lớp trồng được số cây là:  2 x 105 = 210( cây)  Đáp số: 210 cây  Cách 2:  105 học sinh gấp 35 học sinh số lần là:  105 : 35 = 3 ( lần)  Cả khối Năm trồng được số cây là: 70 x 3 = 210 ( cây)  Đáp số: 210 cây  - 2 HS đọc bài toán  + tăng 1 tuổi  + Tổng số tuổi của Huệ và Hải tăng nhiều hơn tuổi bà 2 tuổi.  +... 52 tuổi  + Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  Bài giải  Vì mỗi năm tuổi của bà tăng một tuổi, tổng số tuổi của Huệ và Hải tăng hai tuổi. Vậy sau hai năm tổng số tuổi của Huệ và Hải tăng nhiều hơn tuổi của bà 2 tuổi.  Hiện nay tuổi của bà hơn tổng số tuổi của Huệ và Hải là:  54 – 2 = 52 (tuổi)  Tuổi của bà hiện nay là:  (80 + 52) : 2 = 66 (tuổi)  Tổng số tuổi của Huệ và Hải hiện nay là: 80 – 66 = 14 (tuổi)  Tuổi Huệ hiện nay là:  10 – 6 = 4 (tuổi)  Đáp số: Bà: 66 tuổi;  Huệ: 10 tuổi;  Hải: 4 tuổi |

.........................................................................................................................................................................................................................................

...........................................................................................................................................................................................................................................

**Toán +**

**LUYỆN TẬP: CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ**

**I. Yêu cầu cần đạt.**

- Biết cộng, trừ, nhân, chia phép các phân số có cùng mẫu số, các phân số không cùng mẫu số.

- Rèn kĩ năng thực hiện phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia các phân số, áp dụng vào giải toán có lời văn.

- HS ý thức tự giác, cẩn thận trong tính toán, trình bày bài làm.

Hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề toán học.

**II. Đồ dùng dạy- học:**

GV: Hệ thống bài tập.

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên**  **1. Hoạt động Mở đầu:**  CTHĐTQ cho các bạn ôn lại kiến thức cũ:  - Nêu cách thực hiện phép cộng; phép trừ 2 phân số cùng mẫu số, khác mẫu số.  - Muốn trừ tổng 2 phân số cho 1 phân số thứ ba ta có thể trừ như thế nào?  - Nhận xét, đánh giá.  Chốt: *Cách thực hiện phép cộng, trừ hai phân số.*  **2. Hoạt động Thực hành**  **Bài 1** : Tính  a,  +  +  x  b, -  -  :  - Y/C HS nhắc lại cách cộng, trừ, nhân, chia hai phân số  - Y/C HS làm bài vào vở.  - Chữa bài, nhận xét, đánh giá  *Chốt: Cách cộng, trừ, nhân, chia 2 phân số.*  **Bài 2** : Tính  a, +  -  b,  x  -  c,  + :  d,  :  x  - Nêu cách tính giá trị của biểu thức?  - GV quan sát giúp đỡ HS  - Nhận xét, đánh giá  *Chốt: Cách cộng, trừ, nhân , chia nhiều phân số, cách tính giá trị biểu thức.*  **Bài 3.** Một tổ công nhân sản xuất xong một số sản phẩm trong 3 ngày. Ngày thứ nhất sản xuất được số sản phẩm, ngày thứ hai sản xuất được số sản phẩm, ngày thứ ba sản xuất được 60 sản phẩm thì hoàn tất. Hỏi trong ba ngày tổ công nhân đó sản xuất được bao nhiêu sản phẩm?  + Gợi ý cách làm:  - Tìm số phần số sản phẩm làm trong hai ngày đầu.  - Tìm số phần số sản phẩm làm trong ngày thứ ba.  - Tìm số sản phẩm làm trong ba ngày.  + HS làm bài  + Chữa bài, nhận xét, đánh giá.  *Chốt: Giải toán có lời văn liên quan đến trừ 2 phân số.*  **\* KKHS làm bài sau:**  **Bài 4**.Tính tổng sau đây bằng cách nhanh nhất.  + + + + + +  *+* Gợi ý:  - Phân tích mẫu số của các phân số thành tích của hai số. Sao cho thừa số thứ hai của mẫu số đứng trước bằng thừa số thứ nhất của mẫu số liền sau.  - Viết phân số đó dưới dạng hiệu của hai phân số  + Y/C HS làm bài.  + Chữa bài, nhận xét.  *Chốt: Cách tính nhanh với phân số.*  **3. Hoạt động vận dụng:**  - HS nêu lại cách cộng trừ phân số  - Cộng trừ nhiều phân số khác mẫu số ta làm thế nào ?  - Nhận xét tiết học. | **Hoạt động của học sinh**  - HS trả lời  - Hoạt động cá nhân  - HS làm bài vào vở.  - GV theo dõi, giúp đỡ những HS còn lúng túng  - HS xác định yêu cầu.  - Nếu như biểu thức có cộng và trừ hoặc nhân và chia thực hiện lần lượt từ trái qua phải. Nếu biểu thức vừa có cộng, trừ, nhân, chia thực hiện nhân( chia )trước, cộng( trừ) sau  - HS làm bài.  - Kiểm tra chéo cho nhau. 4 HS lên bảng chữa  Bài 3.  Trong hai ngày đầu sản xuất được số phần sản phẩm là: += (sản phẩm)  Ngày thứ ba sản xuất được số phần sản phẩm là: 1 - = (sản phẩm)  Số sản phẩm sản xuất trong ba ngày là:  60: = 150 (sản phẩm)  Đáp số: 150 sản phẩm.  Bài 4.  + + + + + + =  + + + + ++ =( 1- )+( -) +(-)+ (-)  +(-) + (-) +(-)  = 1+ (-)+(-)+(-) +(-)  + (-)+(-) += 1- =  - HS trả lời. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiếng Việt +**

**LUYỆN TẬP: TỪ ĐỒNG NGHĨA.**

**I. Yêu cầu cần đạt :**

- Củng cố cho HS kiến thức về từ đồng nghĩa.

- HS xác định từ đồng nghĩa; sử dụng từ đồng nghĩa để viết câu văn, đoạn văn.

- Năng lực: + Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

- Phẩm chất: Yêu thích môn học, giữ gìn sự trong sáng Tiếng Việt.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

- Hệ thống bài tập để HS luyện tập.

**III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động Mở đầu:**  - Tổ chức cho HS hỏi đáp nhau các kiến thức về từ đồng nghĩa.  - Hướng dẫn nhận xét.  -Chốt kiến thức cơ bản và ghi tóm tắt trên bảng:  *Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau; khi nói hay viết, ta cần cân nhắc để sử dụng những từ này cho phù hợp. Có những từ có nghĩa giống nhau nhưng khi nói, viết có thể không thay thế cho nhau được. Khi dùng những từ này, ta cần cân nhắc để lựa chọn được từ phù hợp.*  - Giới thiệu bài  **B. Hoạt động Luyện tập:**  **Bài 1:** Tìm từ đồng nghĩa với từ in đậm trong đoạn văn sau:  Trước mắt em, cánh đồng lúa **mênh mông** trải rộng. Màu vàng dịu mát của lúa chín giống như một tấm thảm rực rỡ, trải dài **bao la**vô tận nổi bật lên trong buổi sớm bình minh. Những bông lúa vừa chín tới tỏa hương thơm thoang thoảng vào không khí. Một mùi hương lạ lùng, mùi thơm **bát ngát**của đồng lúa vừa chín tới.  Từ đỉnh núi xa xa, ông mặt trời đỏ rực nhô lên, tỏa những tia nắng**lấp lánh** xuống mặt đất. Trên con đường rộng **thênh thang** từng nhánh cây, ngọn cỏ khoác lên mình tấm áo sương **lung linh** như đính hàng ngàn viên kim cương lộng lẫy. Em bước xuống bờ ruộng rồi khẽ cầm lên tay một bông lúa nhiều hạt còn **lóng lánh** sương đêm.  - GV cho HS đọc yêu cầu BT1.  - GV nêu yêu cầu: tìm từ đồng nghĩa với từ *mênh mông* (ở đoạn văn 1) và từ *lấp lánh* (ở đoạn văn 2).  - Cho HS làm bài.  *Chốt các từ đồng nghĩa với nhau.*  **Bài 2:** Thay thế các từ gạch chân trong câu sau bằng một từ đồng nghĩa:  a) Tên giặc độc ác đã bị anh lính dũng cảm bắt được và đang áp giải về trại.  b) Năm nay thời tiết thuận lợi, nên cây trái trong vườn phát triển tốt, cho nhiều trái chín.  c) Cái Bích năm nay đã lớn rồi, nên đã biết phụ giúp bố mẹ công việc đồng áng  - GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu bài  - GV quan sát, giúp đỡ HS  - Nhận xét, chốt đáp án đúng  *Chốt các từ đồng nghĩa*  *a) Tàn ác, hung ác, tàn nhẫn, độc địa...*  *Gan dạ, anh hùng, can đảm, kiên cường, gan góc, quả cảm.....*  *b) thuận tiện, suôn sẻ,*  *c) trưởng thành*  **Bài 3:** Trong mỗi ngoặc đơn là 2 từ đồng nghĩa. Hãy chọn 1 từ thích hợp hơn để điền vào chỗ trống. Hãy giải thích lí do vì sao em lại chọn như vậy.  a) Các chiến sĩ đã( hi sinh/ toi mạng) ............... anh dũng trên chiến trường.  b) Bó hoa hồng các em học sinh tặng cho cô trà đã( khô héo/ chết khô)................. nhưng cô vẫn quý trọng, treo ở giá sách của mình.  c) Dòng sông chảy rất( hiền hòa, hiền lành, hiền từ, hiền hậu) giữa hai bờ xanh mướt lúa ngô.  d) Trên sân trường, mấy cây phượng vĩ nở hoa( đỏ au, đỏ bừng, đỏ đắn, đỏ hoe, đỏ gay, đỏ chói).  - GV chữa bài cho HS.  \* Khuyến khích HS giải thích lí do điền từ.  *- Củng cố cách lựa chọn điền từ thích hợp trong nhóm từ đồng nghĩa.*  **Bài 4**: Viết 1 đoạn văn hoặc trong đó có sử dụng ít nhất 2 từ đồng nghĩa với nhau(gạch chân các từ đó)  - Tổ chức cho HS hoạt động cá nhân.  - Đánh giá, nhận xét bài làm của HS.  *- Củng cố cách viết đoạn văn có sử dụng cặp từ đồng nghĩa.*  **C. Hoạt động vận dụng:**  - HS nhắc lại thế nào là từ đồng nghĩa? Lấy thêm một vài ví dụ về từ đồng nghĩa.  - GV nhận xét giờ học, dặn dò HS tiếp tục tìm hiểu về các từ đồng nghĩa và tập viết câu với các từ đồng nghĩa. | - 1 HS điều khiển lớp thảo luận.  - 2- 3 HS nhắc lại.  - Lấy ví dụ cho từng trường hợp.  **Đáp án:**  a)Từ đồng nghĩa với *mênh mông:* *bao la, bát ngát.*  b)Từ đồng nghĩa với *lấp lánh:*  *lung linh, lóng lánh*  - HS đọc  - HS làm bài cá nhân trong vở  - Chữa bài  - Tìm từ đồng nghĩa với từ gạch chân cho phù hợp.  - HS làm bài  - HS nêu yêu cầu bài tập.  - HS làm việc theo N2.  - Đại diện trình bày  - Nhóm khác nhận xét,bổ sung.  Đáp án:  a. Hy sinh thể hiện sự tôn kính  b. khô héo vì bó hoa thì có các bông hoa, không có rễ nên không thể sử dụng từ chết khô được.  c. hiền hòa vì các từ còn lại đều chỉ tính nết của con người.  d. đỏ au  - HS viết bài trong vở  - 3-5 HS đọc bài  - Nhận xét và góp ý  - 1 HS nhắc lại kiến thức đã ôn tập. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

................................................................................................................................................

................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiếng Việt+**

**LUYỆN TẬP : VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU**

**MỘT NHÂN VẬT VĂN HỌC**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Lập được dàn ý, viết được đoạn văn giới thiệu một nhân vật văn học thuộc người Hải Dương hoặc trong huyện.

- Đoạn văn không mắc lỗi về cấu tạo, ít lỗi về nội dung. Sử dụng được các từ ngữ hình ảnh trong miêu tả và giới thiệu nhân vật trong đoạn văn.

- Phát triển NL tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: Có tình cảm lành mạnh, yêu thích các tác phẩm văn học và nhân vật trong tác phẩm lựa chọn.

**II. Đồ dùng dạy học**

- HS chuẩn bị: vở viết.

**III. Các hoạt động dạy và học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động Mở đầu:** | |
| - GV hướng dẫn HS ôn lại về cách viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật văn học  CH1: Cấu tạo đoạn văn giới thiệu 1 nhân vật văn học gồm mấy phần? Là những phần nào?  CH2: Phần mở đoạn nêu những gì?  CH3: Trong phần thân đoạn em giới thiệu những gì của nhân vật ?  CH4: Câu kết đoạn trong đoạn văn mà em định giới thiệu cần nêu những gì?  - GV + HS nhận xét- Giới thiệu bài. | - Học sinh nghe, trả lời các câu hỏi của GV  CH1: Cấu tạo đoạn văn giới thiệu 1 nhân vật văn học gồm 3 phần: Mở đoạn , thân đoạn và kết đoạn .  - Phần mở đoạn nêu nhân vật định giới thiệu là ai?  CH3: Trong phần thân đoạn em giới thiệu về đặc điểm nổi bật về ngoại hình, hoạt động, tính cách của nhân vật.  CH4: HS nêu – HS khác nhận xét, bổ sung. |
| **B. Hoạt động Luyện tập- Thực hành:**  **Hoạt động 1: Chuẩn bị**  GV chép đề lên bảng:  *Đề bài: Em hãy viết một đoạn văn giới thiệu một nhân vật văn học thuộc người Hải Dương hoặc trong huyện mà em yêu thích.*  *Bước 1: Xác định yêu cầu của đề bài.*  - Đề bài yêu cầu gì?  - Đối t­ượng miêu tả cụ thể trong bài là gì?  - GV kết hợp gạch chân từ ngữ trọng tâm của đề bài.  *Bước 2: H­ướng dẫn HS tìm ý:*  - GV nêu câu hỏi gợi ý để HS tìm ý.  + Câu mở đoạn của đoạn văn nêu thông tin gì?  + Các câu tiếp theo (thân đoạn) viết gì?  + Câu kết đoạn thể hiện điều gì?  - Em cần lưu ý gì khi viết đoạn văn?  *GV chốt lại các bước làm :*  + Dựa vào phầm tìm ý ở trên để viết đoạn văn. Chú ý viết câu đúng cấu tạo ngữ pháp, lựachọn từ ngữ phù hợp, giàu hình ảnh,...  + Đọc lại bài viết: phát hiện và sửa lỗi(nếucó); sửa bài viết cho hay(thay thế từ ngữ, viết lại câu,...).  **Hoạt động 2: Viết đoạn văn**  - GV cho HS đọc lại những ý đã tìm và sắp xếp lại thành đoạn văn cho hợp lý theo đề đã chọn.  - GV tạo điều kiện yên tĩnh cho HS viết; theo dõi, trả lời thắc mắc của các em (nếu có).  **Hoạt động 3: Trình bày đoạn văn đã viết (nếu còn thời gian)**  *c) Trình bày trước lớp*  - GV mời 2 HS trình bày đoạn văn đã viết trước lớp; mời một số HS khác nhận xét.  - GV đưa ra gợi ý nhận xét và bình chọn  + Đoạn văn đã đủ các phần chưa?  + Bạn đã nêu đủ, sinh động những nét tiêu biểu về ngoại hình và hoạt động, tính cách của nhân vật chưa?  +Thể hiện tình cảm của mình với nhân vật đó chưa?  + Bạn sắp xếp ý hợp lí chưa? Dùng từ ngữ hình ảnh sinh động và các biện pháp tu từ hay chưa? Câu đúng ngữ pháp chưa? Bạn viết đúng chính tả chưa?... | - Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật văn học thuộc người Hải Dương hoặc trong huyện mà em yêu thích .  - Nhân vật văn học thuộc người Hải Dương hoặc trong huyện: Bà Ngọc Hoa, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Thị Duệ, Yết Kiêu…..  - Giới thiệu về nhân vật văn học mà em yêu thích  - Cần nêu được những đặc điểm nổi bật của nhân vật đó.  - Thể hiện được tình cảm của em với nhân vật đó.  - Sắp xếp các ý theo trình tự hợp lí.  - Viết xong, đọc lại, sửa các lỗi về cấu tạo và nội dung đoạn văn, lỗi dùng từ, đặt câu, chính tả,...  - HS đọc lại các ý đã tìm.  - Sắp xếp ý và viết đoạn văn (có thể hỏi GV những điều còn thắc mắc)  - HS đọc lại bài viết, sửa lỗi (nếu có), hoàn thiện bài viết.  - 2HS trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung  - Nghe, thực hiện  + Đoạn văn đủ các phần: Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.  + Nêu đủ, sinh động những nét tiêu biểu về ngoại hình và hoạt động, tính cách của nhân vật .  + Thể hiện tình cảm của mình với nhân vật đó .  + Sắp xếp ý hợp lí; dùng từ ngữ hình ảnh sinh động và các biện pháp tu từ hay; câu đúng ngữ pháp; viết đúng chính tả ... |
| **C. Hoạt động Vận dụng:**  - Nêu cấu tạo của bài văn giới thiệu về một nhân vật văn học.  - Viết lại đoạn văn và bổ sung những gì bạn góp ý hoặc viết lại câu văn nào chưa ưng ý cho hay hơn. |  |

**Bài viết tham khảo**

*Nhân vật văn học mà em yêu thích ở tỉnh ta là Ông Yết Kiêu. Em được biết đến ông qua câu chuyện cùng tên mà em đã được học ở lớp Bốn. Chuyện kể về vị anh hùng Yết Kiêu sống dưới thời nhà Trần, có tài năng bơi lặn và sức khỏe phi thường. Khả năng bơi lặn của ông giỏi tới mức người ta tưởng như ông đang đi bộ trên mặt nước, và có thể ở liên tiếp sáu, bảy ngày dưới nước mới lên. Đây là điều khiến em rất ngưỡng mộ tài bơi lội của ông Yết Kiêu. Ngoài ra, ông còn rất dũng cảm khi xin vua nhà Trần ra biển lặn xuống đục tàu của quân Nguyên xâm phạm nước ta trên biển Vạn Ninh chỉ với cây búa và chiếc dùi sắt. Khi bị địch bắt, ông còn rất thông minh và khảng khải, dọa địch rằng nước ta cả cả trăm nghìn người có khả năng đi lại, sống dưới nước. Em cũng rất thích sự cơ trí của ông Yết Kiêu khi nhân lúc địch vô ý mà ông đã nhảy xuống biển để trốn thoát. Tài năng, trí thông minh, sự dũng cảm không sợ hiểm nguy của Yết Kiêu khiến em cảm phục, yêu mến.*

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

.